THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 106/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong Công an nhân dân.

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Các đơn vị thuộc Bộ Công an được trang bị xe ô tô là những đơn vị được quy định tại Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác của Chính phủ liên quan đến tổ chức của Công an nhân dân.

2. Xe ô tô quy định tại Quyết định này là xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe chuyên dùng (gọi tắt là xe ô tô) sử dụng để phục vụ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, sĩ quan, cán bộ, chiến sĩ đi công tác, bảo đảm nhiệm vụ chỉ huy, huấn luyện, chiến đấu, sản xuất kinh doanh của các công ty và các đơn vị thuộc Bộ Công an.

Các loại xe ô tô trên được mua từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và mua sắm từ vốn của công ty nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, hoặc được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật, các chương trình dự án kết thúc, chuyển giao).

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng xe ô tô

1. Xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an (kể cả xe của các doanh nghiệp) được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà

nước và theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này.

2. Các cơ quan, đơn vị được trang bị xe ô tô không được bán, tặng, trao đổi, cho thuê, cho mượn hoặc chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho các tổ chức, cá nhân khác nếu không được phép của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Nghiêm cấm sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này vào việc riêng và các mục đích khác không phải là nhiệm vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác của Công an nhân dân.

4. Mỗi chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô được trang bị một xe ô tô để phục vụ công tác. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng một xe theo chức danh cao nhất.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ trang bị và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Cán bộ có chức danh sau đây được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác (giá mua xe được thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ):

- Lãnh đạo trong Công an nhân dân là Ủy viên Bộ Chính trị.

- Bộ trưởng.

- Cán bộ có cấp bậc hàm Đại tướng và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên.

2. Cán bộ Lãnh đạo trong Công an nhân dân là Ủy viên Trung ương Đảng thì tiêu chuẩn trang bị, sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và sửa đổi, bổ sung tại Điểm 3 Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cán bộ có chức danh sau đây được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe gồm:

- Thứ trưởng Bộ Công an.

- Cán bộ có cấp bậc hàm Thượng tướng và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,8 trở lên.

4. Cán bộ có chức danh sau đây được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 920 triệu đồng/một xe gồm:

- Các chức danh lãnh đạo, chỉ huy có hệ số phụ cấp lãnh đạo 1,2 đến 1,3.

- Cán bộ có cấp bậc hàm Trung tướng và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,2 trở lên.

- Cán bộ Công an là Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy (Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Các cán bộ sau đây được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với giá mua tối đa 820 triệu đồng/một xe gồm:

Cán bộ có cấp bậc hàm Thiếu tướng.

6. Xe ô tô dùng chung:

a) Các cán bộ sau đây được bố trí xe ô tô đi công tác, không bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, với giá mua tối đa 720 triệu đồng/một xe (trường hợp các cơ quan, đơn vị thường xuyên hoạt động ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn thì được mua xe ô tô 02 cầu với mức giá không quá 1,5 lần so với định mức quy định):

- Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,2.

- Cán bộ có hệ số lương từ 7,3 đến 8,6.

b) Số lượng xe ô tô để dùng chung cho các cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điểm a Khoản này được xác định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào tính chất công tác, chiến đấu, địa bàn, tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý tại Quyết định này quy định số lượng xe ô tô trang bị cho từng đơn vị, địa phương;

c) Trường hợp do yêu cầu khẩn cấp hoặc do yêu cầu đặc biệt, Thủ trưởng đơn vị quyết định việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô;

d) Số lượng xe ô tô trang bị cho các đơn vị chiến đấu từ cấp Trung đoàn trở lên và các đơn vị đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

Xe chuyên dùng trong Công an nhân dân là xe được gắn trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

Việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô vận tải trong Công an nhân dân thực hiện theo Khoản 1 Điều 9 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Điểm a, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 106/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. Nghiêm cấm lợi dụng quyết định mua xe ô tô nghiệp vụ, xe ô tô chuyên dùng để sử dụng vào mục đích khác.

Điều 5. Trang bị xe ô tô cho các cơ quan đại diện của Bộ Công an Việt Nam ở nước ngoài

Các cơ quan đại diện của Bộ Công an Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2010, của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác tại các công ty thuộc Bộ Công an

Các công ty thuộc Công an nhân dân được trang bị xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 9 và Điều 16 Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước (ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 7. Quy định về mua, thay thế xe ô tô

1. Việc thay thế xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (cán bộ sử dụng xe tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định này được thay thế theo yêu cầu công tác, các chức danh còn lại được thay thế khi đã sử dụng ít nhất 200.000 km).

2. Cán bộ mới được bổ nhiệm vào các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Quyết định này thì vẫn sử dụng xe ô tô của người tiền nhiệm và chỉ được thay thế xe ô tô đã sử dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Giá mua xe ô tô theo Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp được miễn thuế nhập khẩu) nhưng chưa bao gồm các loại phí, lệ phí liên quan đến việc sử dụng xe. Việc mua xe ô tô phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước. Trường hợp giá mua xe quy định tại Quyết định số 59/2007QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 và Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ có sự điều chỉnh thì giá mua xe đối với các chức danh trong lực lượng Công an nhân dân cũng được điều chỉnh tương ứng.

4. Xe ô tô không còn sử dụng được phải thực hiện bán đấu giá, số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

5. Hàng năm, căn cứ vào số xe ô tô hiện có và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mua xe ô tô bổ sung cho các nhiệm vụ và thay thế số xe ô tô quá cũ và hư hỏng, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao.

Điều 8. Chế độ quản lý, sử dụng

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 3 Quyết định này được đảm bảo xe ô tô và chi phí sử dụng xe ô tô theo yêu cầu công tác.

2. Đối với các xe ô tô sử dụng chung quy định tại Khoản 6 Điều 3, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ số lượng xe ô tô hiện có chỉ đạo việc bố trí sắp xếp và sử dụng xe ô tô theo yêu cầu công tác đảm bảo tiết kiệm chống lãng phí.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Công an, Thủ trưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại, giới hạn về giá trị thì phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định thì Thủ trưởng đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để điều chuyển hoặc bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2014.

2. Bãi bỏ Quyết định số 109/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong lực lượng Công an nhân dân và những quy định trước đây trái với quy định này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ XE Ô TÔ SỬ DỤNG CHUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC TRANG BỊ
1	Cơ quan các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Cục, Vụ, Viện (trực thuộc Bộ trưởng)	12 cán bộ có tiêu chuẩn/xe
2	Công an thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã)	50 xe/1 Đơn vị
3	Công an thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ; Công an tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)	25 xe/1 Đơn vị
4	Công an các tỉnh còn lại, Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh)	22 - 24 xe/1 Đơn vị
5	Công an quận, huyện, thị xã, thuộc các thành phố trực thuộc Trung ương và các tỉnh trọng điểm	05 xe/1 Đơn vị
6	Công an quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	04 xe/1 Đơn vị
7	Các phòng thuộc các thành phố trực thuộc Trung ương và các tỉnh trọng điểm	02 xe/1 Đơn vị
8	Các phòng thuộc Công an tỉnh còn lại	01 xe/1 Đơn vị
9	Học viện, trường Đại học	30 cán bộ/xe
10	Trường cao đẳng, trường trung học	40 cán bộ/xe
11	Trường nghiệp vụ, trường văn hóa, trường sơ cấp, dậy nghề và tương đương	Không quá 03 xe/1 Đơn vị
12	Bệnh viện loại I	Không quá 05 xe/1 Đơn vị
13	Bệnh viện loại II	Không quá 04 xe/1 Đơn vị
14	Bệnh viện loại III	Không quá 03 xe/1 Đơn vị
15	- Trại giam, cơ sở giáo dục + Trung tâm + Phân trại, phân khu - Trường giáo dưỡng	 Không quá 02 xe/1 Đơn vị 01 xe/1 Đơn vị Không quá 02 xe/1 Đơn vị
16	Các kho thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	02 xe/1 Đơn vị
17	Đoàn nghệ thuật	Không quá 02 xe/1 Đơn vị
18	Nhà điều dưỡng, an dưỡng	Không quá 02 xe/1 Đơn vị
19	Cơ quan các doanh nghiệp an ninh	Không quá 03 xe/1 Đơn vị
20	Các xí nghiệp	01 xe/1 Đơn vị